



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI
Địa chỉ: Tầng 4 - Tòa nhà CT2 Tô Hiệu - Phường Hà Cầu - Quận Hà Đông -
TP. Hà Nội.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỒ SƠ YÊU CẦU

CHÀO GIÁ CẠNH TRANH

GÓI THẦU:	THI CÔNG KẾT CẤU PHẦN THÂN VÀ XÂY BAO TRÁT NGOÀI
CÔNG TRÌNH:	TÒA NHÀ CT2,CT3
DỰ ÁN:	TỔ HỢP CHUNG CƯ CAO TẦNG XUÂN MAI THANH HÓA – XUÂN MAI TOWER
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:	KHU ĐÔ THỊ ĐÔNG HƯƠNG, PHƯỜNG ĐÔNG HẢI, TP THANH HÓA
CHỦ ĐẦU TƯ:	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XUÂN MAI THANH HÓA
TỔNG THẦU EPC:	CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Địa chỉ: Tầng 4 - Tòa nhà CT2 Tô Hiệu - Phường Hà Cầu - Quận Hà
Đông - TP. Hà Nội.

**HỒ SƠ YÊU CẦU
CHÀO GIÁ CẠNH TRANH**

GÓI THẦU: THI CÔNG KẾT CẤU PHẦN THÂN VÀ XÂY BAO TRÁT
NGOÀI

CÔNG TRÌNH: TÒA NHÀ CT2, CT3

DỰ ÁN: TỔ HỢP CHUNG CƯ CAO TẦNG XUÂN MAI THANH HÓA-
XUÂN MAI TOWER

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: KHU ĐÔ THỊ ĐÔNG HƯƠNG, PHƯỜNG ĐÔNG HƯƠNG, TP
THANH HÓA

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH MTV XUÂN MAI THANH HÓA

TỔNG THẦU EPC: CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Hà Nội, ngày 08 tháng 01 năm 2019

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA BÊN

MỜI THẦU



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Lê Trung Thắng



MỤC LỤC

Từ ngữ viết tắt.....

A. Chỉ dẫn đối với nhà thầu.....

B. Một số yêu cầu về hồ sơ chào giá

C. Biểu mẫu.....

Mẫu số 1. Đơn chào giá.....

Mẫu số 2. Giấy ủy quyền.....

Mẫu số 3. Biểu giá chào.....

Handwritten signature



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Địa chỉ: Tầng 4 - Tòa nhà CT2 Tô Hiệu - Phường Hà Cầu - Quận Hà
Đông - TP. Hà Nội.

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

HSYC	Hồ sơ yêu cầu
HSCG	Hồ sơ chào giá
HSDX	Hồ sơ đề xuất
VND	Đồng Việt Nam



A. CHỈ DẪN ĐỐI VỚI NHÀ THẦU

1. Giới thiệu về dự án

- Dự án: 03 Khối nhà cao tầng CT1,CT2,CT3 công trình Hỗn Hợp Thịnh Phát
- Cấp công trình: Công trình dân dụng cấp I
- Địa điểm xây dựng: Khu đô thị Đông Hương, Thành phố Thanh Hóa
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV Xuân Mai Thanh Hóa
- Tổng thầu: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai
- Quy mô dự án:

• Diện tích khu đất lập dự án	:	9775,8 m ²
• Diện tích xây dựng toàn khu	:	3342 m ²
• Tổng diện tích sàn (không tính tầng hầm)	:	77.345 m ²
• Số lượng tầng hầm	:	01 tầng
• Diện tích sàn tầng hầm	:	9775,8 m ²
• Diện tích xây dựng nhà CT1	:	1.230,15 m ²
• Diện tích xây dựng nhà CT2	:	881,7 m ²
• Diện tích xây dựng nhà CT3	:	1.230,15 m ²
• Tầng cao nhà CT1,CT2, CT3	:	24 tầng nổi
• Mật độ xây dựng	:	34,2 %
• Hệ số sử dụng đất	:	7,9 lần

2. Giới thiệu về gói thầu

Bên mời thầu Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai mời nhà thầu tham gia chào giá cạnh tranh gói thầu “ **Thi công kết thân và xây bao trát ngoài**” Công trình tòa nhà CT2, CT3 thuộc dự án Tổ hợp chung cư cao tầng Xuân Mai Thanh Hóa, Xuân Mai Tower.

Mục 2. Phạm vi thực hiện

1. Phạm vi thực hiện:

- Lập biện pháp thi công chi tiết;
- Tổ chức thi công theo thiết kế và biện pháp thi công được thẩm tra, phê duyệt đảm bảo chất lượng, tiến độ, an toàn lao động và vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ;
- Cung cấp toàn bộ nhân lực, máy móc thiết bị phụ, vật tư phụ.



2. Thông tin mời thầu:

- Tiên lượng mời thầu theo bảng tiên lượng kèm theo;
- Nhà thầu căn cứ bản vẽ thiết kế, bản khối lượng gửi kèm để tính toán lại khối lượng thực hiện;
- Nhà thầu căn cứ biện pháp thi công định hướng chủ động lập biện pháp thi công chi tiết để chào giá cho phần khối lượng theo biện pháp thi công. Nhà thầu căn cứ vào điều kiện năng lực của mình có thể đề xuất biện pháp thi công khác cho phù hợp và đảm bảo hiệu quả kinh tế và tiến độ chung của dự án;
- Nhà thầu căn cứ bản vẽ thiết kế gửi kèm để kiểm tra lại đặc tính kỹ thuật của công việc;
- Nhà thầu chào giá theo đơn giá tổng hợp (Theo mẫu đính kèm phần đơn chào giá), phân chiết tính đơn giá nhà thầu gửi kèm bảng chào giá;
- Nhà thầu chịu trách nhiệm khảo sát hiện trường phục vụ việc lập HSCG. Bên mời thầu tạo điều kiện, hướng dẫn nhà thầu đi khảo sát hiện trường. Chi phí khảo sát hiện trường để phục vụ cho việc lập HSCG thuộc trách nhiệm của Nhà thầu; Căn cứ hiện trạng khảo sát nhà thầu phải lường trước những rủi ro trong thi công để có giá chào phù hợp;
- Bên mời thầu không chịu trách nhiệm pháp lý về những rủi ro đối với Nhà thầu phát sinh từ việc khảo sát hiện trường như tai nạn, mất mát tài sản và các rủi ro khác;
- Nhà thầu tự bố trí văn phòng điều hành thi công và lán trại cho công nhân, kỹ thuật ở thời gian thi công tại công trình.
- Nhà thầu tự cung cấp nguồn nước sạch đảm bảo thi công;

3. Yêu cầu vật liệu:

- Loại bê tông từng công việc cụ thể xem yêu cầu thiết kế gửi kèm;
- Cốt thép chi tiết các loại theo yêu cầu thiết kế của từng phần việc kèm theo;
- Chi tiết yêu cầu vật liệu xem thiết kế gửi kèm.

4. Giá trị thực hiện:

- Giá chào thầu là toàn bộ các chi phí liên quan để thực hiện các công việc gói thầu, nghiệm thu đưa vào sử dụng. Giá chào thầu bao gồm cả các chi phí bảo hiểm, chi phí thí nghiệm, toàn bộ các chi phí thi công khác; chi phí đền bù, sửa chữa do lỗi thi công gây ra đối với con người, công trình và công trình lân cận.
- Giá chào thầu bao gồm cả chi phí vận chuyển, vật tư phụ, nhân công, máy thi công, điện, nước thi công, vệ sinh, thi công công việc hoàn thiện tại công trình và toàn bộ các chi phí khác để hoàn thành công việc theo yêu cầu của thiết kế được phê duyệt.

5. Các tiện ích từ Tổng thầu XMC:

- Cung cấp 01 điểm đấu nối nguồn điện tại dự án (chi phí sử dụng theo thực tế, nhà thầu thanh toán giá tháng, đặt cọc tiền mặt sử dụng giá tháng);
- Cung cấp vật tư chính như: Bê tông, thép;
- Cung cấp vật tư giằng, lưới bao che ngoài;
- Cung cấp máy chính: Vận thăng, cầu tháp;
- Không cung cấp nguồn nước.

Mục 3. Tiến độ thực hiện hiện công việc.

- Tổng thời gian thi công cho nhà CT2 là 250 ngày;
- Tổng thời gian thi công cho nhà CT1 là 250 ngày;
- Dự kiến bắt đầu thi công từ ngày 01 tháng 04 năm 2018.

Mục 4. Nội dung của HSCG

1. HSCG cũng như tất cả các văn bản, tài liệu trao đổi giữa bên mời thầu và nhà thầu liên quan đến việc chào giá cạnh tranh phải được viết bằng tiếng Việt.
2. HSCG do nhà thầu chuẩn bị 02 bộ hồ sơ chào giá (01 gốc và 01 sao) bao gồm các nội dung sau:
 - Đơn chào giá theo Mẫu số 1 Phần C;
 - Biểu giá chào theo Mẫu số 3 Phần C;
 - Tiến độ thi công chi tiết;
 - Giấy ủy quyền (nếu có).

Mục 5. Đơn chào giá

- Đơn chào giá được ghi đầy đủ theo Mẫu số 1 Phần C, có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà thầu (người đại diện theo pháp luật của Nhà thầu hoặc người được ủy quyền kèm theo giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Phần C).

Mục 6. Giá chào

- Giá chào là giá do nhà thầu nêu trong đơn chào giá sau khi trừ phần giảm giá (nếu có). Giá chào phải bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu trên cơ sở yêu cầu của HSYC. Giá chào được chào bằng đồng tiền Việt Nam;
- Trường hợp Nhà thầu có thư giảm giá thì có thể nộp cùng với HSCG hoặc nộp riêng song phải đảm bảo bên mời thầu nhận được trước thời điểm hết hạn nộp HSCG. Trường hợp thư giảm giá nộp cùng với HSCG thì Nhà thầu phải thông báo cho bên mời thầu, trước thời điểm hết hạn nộp HSCG hoặc phải có bảng kê thành phần HSCG trong đó có thư giảm giá. Trong thư giảm giá cần nêu rõ nội dung, cách thức giảm giá đối với từng loại giá hóa cụ thể nêu trong biểu giá chào bằng giá trị tuyệt đối. Trường hợp không nêu rõ nội dung, cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả các loại giá hóa nêu trong biểu giá chào;

- Biểu giá chào phải được ghi đầy đủ theo Mẫu số 3 Phần C, có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà thầu.

Mục 7. Thời gian có hiệu lực của HSCG

- Thời gian có hiệu lực của HSCG là 90 ngày kể từ thời điểm hết hạn nộp HSCG.

Mục 8. Chuẩn bị và nộp HSCG

1. HSCG do Nhà thầu chuẩn bị phải được đánh máy, in bằng mực không tẩy được, đánh số trang theo thứ tự liên tục. Đơn chào giá, biểu giá chào, thư giảm giá (nếu có) và các văn bản bổ sung, làm rõ HSCG (nếu có) phải được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký và đóng dấu (nếu có). Những chữ viết chen giữa, tẩy xóa hoặc viết đè lên bản đánh máy chỉ có giá trị khi có chữ ký (của người ký đơn chào giá) ở bên cạnh và được đóng dấu (nếu có).

2. Nhà thầu nộp HSCG đến bên mời thầu bằng cách gửi trực tiếp trước thời điểm hết hạn nộp HSCG là 17h, ngày 31 tháng 01 năm 2019. HSCG của Nhà thầu gửi đến sau thời điểm hết hạn nộp HSCG là không hợp lệ và bị loại.

3. Địa chỉ nhận HSYC, nộp HSCG:

- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Xuân Mai
- Địa chỉ: Tầng 4 tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, Phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, TP Hà Nội
- Điện thoại liên hệ: 04.73038866-604
- Cán bộ phụ trách: Phạm Thị Minh Thịnh Di động: 0904664423

4. Địa chỉ khảo sát kiểm tra hiện trường, cung cấp thông tin gói thầu:

- Địa chỉ: Khu đô thị Đông Hương, Phường Đông Hải, Thành Phố Thanh Hóa
- Điện thoại liên hệ: 0976079827 (Mr Nhiên – Trưởng BDH dự án)

5. Thời gian nộp Hồ sơ của nhà thầu trước 17 giờ 00 ngày 31/1/2019.

Mục 9. Làm rõ HSCG

- Trong quá trình đánh giá HSCG, bên mời thầu có thể yêu cầu Nhà thầu làm rõ nội dung của HSCG (kể cả việc làm rõ đơn giá khác thường) và bổ sung tài liệu trong trường hợp HSCG thiếu tài liệu theo yêu cầu của HSYC với điều kiện không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSCG đã nộp, không thay đổi giá chào.
- Việc làm rõ HSCG được thực hiện giữa bên mời thầu và Nhà thầu có HSCG cần phải làm rõ dưới hình thức trao đổi trực tiếp (bên mời thầu mời Nhà thầu đến gặp trực tiếp để trao đổi, những nội dung hỏi và trả lời phải lập thành văn bản) hoặc gián tiếp (bên mời thầu gửi văn bản yêu cầu làm rõ và Nhà thầu phải trả lời bằng văn bản). Trong văn bản yêu cầu làm rõ cần quy định thời hạn làm rõ của Nhà thầu. Nội dung làm rõ HSCG thể hiện bằng văn bản được bên mời thầu bảo quản như một

phần của HSCG. Trường hợp quá thời hạn làm rõ mà bên mời thầu không nhận được văn bản làm rõ hoặc Nhà thầu có văn bản làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của bên mời thầu thì bên mời thầu xem xét, xử lý theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Mục 10. Kiểm tra và đánh giá các HSCG

Việc kiểm tra và đánh giá HSCG được thực hiện theo trình tự như sau:

1. Kiểm tra tính hợp lệ của HSCG, bao gồm:

a) Tư cách hợp lệ của nhà thầu theo quy định tại khoản 2 Mục 4 Phần này (sau khi đã làm rõ hoặc bổ sung tài liệu theo yêu cầu của bên mời thầu);

- Kiểm tra số lượng bản gốc, bản chụp hồ sơ chào giá;
- Kiểm tra các thành phần của Hồ sơ chào giá, bao gồm:
 - + Đơn chào giá theo Mẫu số 1 Phần C;
 - + Biểu giá chào theo Mẫu số 3 Phần C;
 - + Tiến độ cung cấp và lắp đặt chi tiết;
 - + Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp;
 - + Hồ sơ năng lực Nhà thầu: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giới thiệu về Công ty, danh mục cán bộ chủ chốt, sơ đồ tổ chức, năng lực về tài chính, năng lực chuyên môn, các công trình đã thực hiện (hợp đồng, thanh lý hợp đồng, Biên bản bàn giao đưa vào sử dụng).

b) Thời gian và chữ ký hợp lệ trong các tài liệu như đơn chào giá, biểu giá chào, thỏa thuận liên danh (nếu có).

c) Hiệu lực của HSCG theo quy định tại Mục 7 Phần này.

- HSCG của Nhà thầu sẽ bị loại bỏ và không được xem xét tiếp nếu Nhà thầu không đáp ứng một trong các nội dung nói trên.

2. Đánh giá tính hợp lệ của HSCG, bao gồm:

- Hồ sơ chào giá của Nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:
 - + Có bản gốc hồ sơ chào giá;
 - + Có đơn chào giá thuộc hồ sơ chào giá được đại diện hợp pháp của Nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSCG;
 - + Hiệu lực của hồ sơ chào giá đáp ứng yêu cầu theo quy định trong HSYC;
 - + Không có tên trong hai hoặc nhiều hồ sơ chào giá với tư cách là Nhà thầu chính;
 - + Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Luật đấu thầu;
 - + Nhà thầu có hồ sơ chào giá hợp lệ sẽ được đánh giá chi tiết về năng lực kinh nghiệm, kỹ thuật.

3. Đánh giá về năng lực kinh nghiệm, kỹ thuật: Bên mời thầu đánh giá theo các yêu cầu về kinh nghiệm, kỹ thuật nêu trong HSYC đối với các HSCG đáp ứng yêu cầu về tính hợp lệ. HSCG vượt qua bước đánh giá về kinh nghiệm, kỹ thuật được chuyển qua đánh giá về tài chính.
4. So sánh giá chào:
 - 4.1 Bên mời thầu tiến hành việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch (nếu có) theo quy định sau:
 - 4.1.1 Sửa lỗi là việc sửa lại những sai sót trong hồ sơ chào giá bao gồm lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:
 - a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá chào. Trường hợp hồ sơ yêu cầu có yêu cầu phải phân tích đơn giá chi tiết thì phải lấy số liệu trong bảng phân tích đơn giá dự thầu chi tiết làm cơ sở cho việc sửa lỗi số học. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi;
 - b) Các lỗi khác:
 - Tại cột thành tiền đã được điền đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá tương ứng thì đơn giá được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá; nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong hồ sơ mời thầu thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại mục Hiệu chỉnh sai lệch;
 - Lỗi nhầm đơn vị tính: Sửa lại cho phù hợp với yêu cầu của hồ sơ yêu cầu;
 - Trường hợp có khác biệt giữa những nội dung thuộc đề xuất kỹ thuật và nội dung thuộc đề xuất tài chính thì nội dung thuộc đề xuất kỹ thuật sẽ là cơ sở cho việc sửa lỗi.
 - 4.1.2. Hiệu chỉnh sai lệch:
 - a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá tương ứng trong hồ sơ chào giá của nhà thầu có sai lệch;
 - Trường hợp trong hồ sơ chào giá của Nhà thầu có sai lệch không có đơn giá thì lấy mức đơn giá chào cao nhất đối với nội dung này trong số các hồ sơ chào giá khác

vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong hồ sơ chào giá của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá thì lấy đơn giá trong dự toán làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch;

- Trường hợp chỉ có một nhà thầu duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá tương ứng trong hồ sơ chào giá của Nhà thầu này; trường hợp hồ sơ chào giá của Nhà thầu không có đơn giá thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói thầu; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch;
- b) Trường hợp Nhà thầu chào thiếu thuế, phí, lệ phí phải nộp theo yêu cầu nêu trong hồ sơ yêu cầu thì bên mời thầu yêu cầu bên chào thầu cộng các chi phí đó vào giá chào.
- c) Trường hợp Nhà thầu có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá chào chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá chào ghi trong đơn chào giá.
- d) Trường hợp Nhà thầu có hồ sơ chào giá được hiệu chỉnh sai lệch xếp hạng thứ nhất được mời vào thương thảo hợp đồng, khi thương thảo hợp đồng phải lấy mức đơn giá chào thấp nhất trong số các hồ sơ chào giá khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để thương thảo đối với phần sai lệch thiếu.

4.2 Bên mời thầu so sánh giá chào của các HSCG đáp ứng về kỹ thuật để xác định HSCG có giá chào thấp nhất được xếp thứ nhất.

Mục 11. Điều kiện đối với nhà thầu được đề nghị trúng thầu

Nhà thầu được đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- Có HSCG hợp lệ và đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm và yêu cầu kỹ thuật trong HSYC;
- Không có tên trong hai hoặc nhiều HSCG với tư cách là Nhà thầu chính và không vi phạm các hành vi bị cấm theo quy định của pháp luật về đấu thầu;
- Có giá chào thấp nhất sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và không vượt giá gói thầu.

Mục 12. Thông báo kết quả chào giá

- Bên mời thầu thông báo kết quả chào giá bằng văn bản cho tất cả các Nhà thầu tham gia nộp HSCG sau khi có quyết định phê duyệt kết quả chào giá. Đối với Nhà thầu trúng thầu phải ghi rõ thời gian, địa điểm tiến hành thương thảo, hoàn thiện hợp đồng.

Mục 13. Thương thảo, hoàn thiện và ký kết hợp đồng

- Bên mời thầu tiến hành thương thảo, hoàn thiện hợp đồng với Nhà thầu trúng thầu để ký kết hợp đồng.

Mục 14. Kiến nghị

Nhà thầu có quyền kiến nghị về kết quả chào giá và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào giá cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng, nhà thầu có quyền:

- a) Kiến nghị với bên mời thầu, chủ đầu tư, người có thẩm quyền về các vấn đề trong quá trình lựa chọn Nhà thầu, Nhà đầu tư; về kết quả lựa chọn Nhà thầu, Nhà đầu tư theo quy trình giải quyết kiến nghị quy định.
- b) Nhà thầu được gửi văn bản kiến nghị đến Chủ đầu tư đối với dự án; bên mời thầu đối với mua sắm thường xuyên, mua sắm tập trung từ khi xảy ra sự việc đến trước khi có thông báo kết quả lựa chọn Nhà thầu.
- c) Chủ đầu tư, bên mời thầu phải có văn bản giải quyết kiến nghị gửi đến Nhà thầu trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị của Nhà thầu.

Mục 15. Xử lý vi phạm

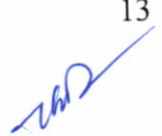
- Trường hợp nhà thầu có các hành vi vi phạm pháp luật về đấu thầu thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý căn cứ theo các quy định pháp luật khác liên quan.

Mục 16. Các tài liệu kèm theo

- Bản vẽ thiết kế thi công;
- Biện pháp thi công định hướng;
- Bảng khối lượng chi tiết;

B. MỘT SỐ YÊU CẦU VỀ HỒ SƠ CHÀO GIÁ
1. Nhà thầu đáp ứng được các tiêu chí về năng lực kinh nghiệm như sau:

TT	Nội dung	Yêu cầu tối thiểu
1	Năng lực kinh nghiệm:	
1.1	Số năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực thi công kết cấu ngầm và tường vây (Tính đến thời điểm tháng 12/2018). Bản sao có công chứng các tài liệu pháp lý: Giấy đăng ký kinh doanh.	5 năm
1.2	Đã thực hiện thầu chính thi công công trình cấp I hoặc công trình cấp II thể hiện bằng hợp đồng, biên bản thanh lý hợp đồng, biên bản nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng	≥2 công trình cấp I hoặc ≥3 công trình cấp II
2	Năng lực kỹ thuật (cho mỗi tòa)	
2.1	Nhân sự chủ chốt thực hiện gói thầu, cụ thể:	
-	Chỉ huy trưởng: 01 người	Tốt nghiệp đại học chuyên môn phù hợp. Số năm kinh nghiệm ≥ 7 năm. Chứng chỉ hành nghề chỉ huy trưởng hạng I, Có chứng chỉ hành nghề tư vấn giám sát hoặc chứng chỉ hành nghề an toàn lao động hạng I, có chứng chỉ Giám sát hạng I. Đã làm chỉ huy trưởng ít nhất 1 công trình cấp I hoặc 2 công trình cấp II.
-	Cán bộ phụ trách kỹ thuật: Tối thiểu 02 người.	Tốt nghiệp đại học/cao đẳng chuyên môn phù hợp. Số năm kinh nghiệm ≥ 5 năm.
-	Cán bộ kỹ thuật xây dựng: Tối thiểu 03 người.	Tốt nghiệp đại học/cao đẳng chuyên môn phù hợp. Số năm kinh nghiệm ≥ 3 năm (với đại học) và 5 năm (với cao đẳng).
-	Cán bộ an toàn: Tối thiểu 01 người	Có chứng chỉ hành nghề an toàn lao động hạng II trở lên. Có 3 năm kinh nghiệm trở lên.



TT	Nội dung	Yêu cầu tối thiểu
-	Cán bộ hồ sơ thanh, quyết toán	Tốt nghiệp đại học/cao đẳng chuyên môn phù hợp. Số năm kinh nghiệm ≥ 3 năm.
2.2	Số lượng máy móc thiết bị mà nhà thầu huy động để thực hiện gói thầu nhằm đảm bảo tiến độ đề ra.	Có danh sách
3	Năng lực tài chính trong thời gian 03 năm gần đây:	
3.1	Tình hình tài chính lành mạnh: Nhà thầu phải đáp ứng tình tài chính lành mạnh sau: Nhà thầu hoạt động không bị thua lỗ trong 02 năm. Có bảng quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp năm gần nhất, hoặc biên bản quyết toán thuế năm gần nhất.	Đáp ứng theo yêu cầu và lợi nhuận mỗi năm > 0 tỷ VNĐ
3.2	Doanh thu bình quân trong 02 năm (2016, 2017)	≥ 120 tỷ VNĐ
	<u>Kết luận:</u>	
	Nhà thầu đáp ứng được tất cả các tiêu chí 1,2,3 ở trên	Đạt
	Nhà thầu không đáp ứng được một trong các tiêu chí 1,2,3 ở trên	Không đạt

2. Yêu cầu về tiến độ thi công:

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		ĐẠT	KHÔNG ĐẠT
1	Thời gian thi công xây dựng	Tối đa theo yêu cầu	$>$ số ngày yêu cầu
2	Tiến độ cung cấp, lắp đặt, hoàn thiện	Có tiến độ cung cấp, lắp đặt, hoàn thiện chi tiết	Không có tiến độ cung cấp, lắp đặt, hoàn thiện chi tiết
	Kết luận	Đạt tất cả (2) nội dung trên	Không đạt (1) trong (2) nội dung nêu trên
		Đạt	Không đạt



C. BIỂU MẪU

Mẫu số 1
ĐƠN CHÀO GIÁ

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [Ghi tên bên mời thầu]
(sau đây gọi là bên mời thầu)

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu chào giá cạnh tranh và văn bản sửa đổi hồ sơ yêu cầu chào giá cạnh tranh số ____ [Ghi số, ngày của văn bản sửa đổi, nếu có] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà thầu], cam kết thực hiện gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] theo đúng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu với tổng số tiền là _____ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ] cùng với biểu giá kèm theo, thi công trong thời gian _____ [Ghi tổng thời gian để thi công hoàn thành gói thầu].

Nếu hồ sơ chào giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi cam kết cung cấp giá hóa theo đúng các điều khoản được thỏa thuận trong hợp đồng.

Hồ sơ chào giá này có hiệu lực trong thời gian ____ ngày [Ghi số ngày], kể từ ____ giờ, ngày ____ tháng ____ năm ____ [Ghi thời điểm hết hạn nộp hồ sơ chào giá].

Đại diện hợp pháp của nhà thầu⁽¹⁾

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn chào giá thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Phần này. Trường hợp tại Điều lệ công ty, Quyết định thành lập chi nhánh hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn chào giá thì phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Phần này). Trước khi ký kết hợp đồng, nhà thầu trúng thầu phải trình chủ đầu tư bản chụp được chứng thực của các văn bản, tài liệu này. Trường hợp phát hiện thông tin kê khai ban đầu là không chính xác thì nhà thầu bị coi là vi phạm khoản 2 Điều 12 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại Mục 15 Phần A của HSYC này.

Mẫu số 2
GIẤY ỦY QUYỀN⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ [Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu], là người đại diện theo pháp luật của ____ [Ghi tên nhà thầu] có địa chỉ tại ____ [Ghi địa chỉ của nhà thầu] bằng văn bản này ủy quyền cho ____ [Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia chào giá cạnh tranh gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] thuộc dự án ____ [Ghi tên dự án] do ____ [Ghi tên bên mời thầu] tổ chức:

[-Ký đơn chào giá;

- Ký thỏa thuận liên danh (nếu có);

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham gia chào giá cạnh tranh, kể cả văn bản giải trình, làm rõ HSCG;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký kết hợp đồng với chủ đầu tư nếu trúng thầu.]⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [Ghi tên nhà thầu]. ____ [Ghi tên nhà thầu] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [Ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu
(nếu có)]

Người ủy quyền

[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của
nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho bên mời thầu cùng với đơn chào giá theo quy định tại Mục 5 Phần A. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền do người ủy quyền quyết định, bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia chào giá cạnh tranh.

Mẫu số 3

BIỂU GIÁ CHÀO

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	2	3	4	5	(6) =(4) x (5)
1				(Bao gồm cả chi phí vận chuyển thiết bị, vật tư phụ, nhân công, máy thi công, điện thi công, lắp đặt, vệ sinh, hoàn thiện tại công trình theo yêu cầu của thiết kế)
2				
3				
...				
Cộng				
Thuế				
Tổng cộng				

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]



Mẫu số 4

BẢO LÃNH TIỀN TẠM ỨNG

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ (Ghi tên Bên nhận bảo lãnh)

Theo điều khoản về tạm ứng nêu trong hợp đồng,..... (Ghi tên hợp đồng, số hợp đồng) giữa Công ty CP Đầu tư và xây dựng Xuân Mai – là Bên nhận Bảo lãnh và - là Bên được bảo lãnh phải nộp cho Bên nhận lãnh một bảo lãnh ngân giá để bảo đảm Bên được bảo lãnh sử dụng đúng mục đích khoản tiền tạm ứng(Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng) cho việc thực hiện hợp đồng ;

Chúng tôi,.....(Ghi tên của ngân giá) có trụ sở đăng ký tại(Ghi địa chỉ số điện thoại, số fax, e-mail của ngân giá), theo yêu cầu của Bên nhận bảo lãnh, đồng ý vô điều kiện, không hủy ngang, không yêu cầu nhà thầu phải chấp thuận, và không trì hoãn với bất kỳ lý do nào khác, thanh toán ngay cho Bên nhận bảo lãnh khi có yêu cầu với một khoản tiền không vượt quá(Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng).

Ngoài ra, chúng tôi đồng ý rằng các thay đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh các điều kiện của hợp đồng hoặc của bất kỳ tài liệu nào liên quan tới hợp đồng được ký giữa Bên được bảo lãnh và Bên nhận bảo lãnh sẽ không làm thay đổi bất kỳ nghĩa vụ nào của chúng tôi theo bảo lãnh này.

Giá trị của bảo lãnh này sẽ được giảm dần tương ứng với số tiền tạm ứng mà Bên nhận bảo lãnh thu hồi qua các kỳ thanh toán quy định tại Điều ... của Hợp đồng sau khi Bên được bảo lãnh xuất trình văn bản xác nhận của Bên nhận bảo lãnh về số tiền đã thu hồi trong các kỳ thanh toán.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày Bên được bảo lãnh nhận được khoản tạm ứng theo hợp đồng cho tới ngày tháng năm hoặc khi Bên nhận bảo lãnh thu hồi hết số tiền tạm ứng, tùy theo điều kiện nào đến sớm hơn.

Trước 15 ngày hết thời hạn hiệu của Bảo lãnh này mà Bên nhận bảo lãnh chưa thu hồi tiền tạm ứng của Bên được bảo lãnh thì Ngân giá sẽ tự động trả lại số tiền chưa thu hồi hết cho Bên nhận bảo lãnh ; Hoặc gia hạn ngay thời hạn hiệu lực của bảo lãnh này cho đến khi Bên nhận bảo lãnh thu hồi hết tiền tạm ứng với mỗi lần gia hạn là 01 tháng .

Thư bảo lãnh này được lập thành 01 bản duy nhất không có giá trị chuyển nhượng. Mọi yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đều phải xuất trình bản gốc của Thư bảo lãnh này, và nội dung của nó được điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam. Mọi tranh chấp liên quan đến Thư bảo lãnh này sẽ được đưa ra Tòa án có thẩm quyền giải quyết./.

Đại diện hợp pháp của ngân giá
(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 5

THƯ BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

Số:

Kính

gửi

.....

Địa chỉ: (ghi tên, địa chỉ đăng ký của Bên nhận bảo
lãnh)

**Căn cứ các điều khoản, điều kiện của Hợp đồng(ghi tên hợp
đồng) số..... ngày/...../.....(sau đây gọi là “Hợp đồng”) giữa(ghi tên
Bên nhận bảo lãnh) (sau đây gọi là “Chủ đầu tư”) và khách giá của chúng tôi là
..... (ghi tên đăng ký của Bên được bảo lãnh) (sau đây gọi là “Nhà thầu”).**

Theo đề nghị của Nhà thầu, Chúng tôi - Ngân giá(ghi tên Ngân giá) có trụ
sở đăng ký tại:.....(sau đây gọi là “Ngân giá”) đồng ý cấp cho Nhà thầu Thư
bảo lãnh này và cam kết thanh toán vô điều kiện không hủy ngang và không yêu cầu Nhà
thầu phải xem xét trước sẽ trả cho Chủ đầu tư một khoản tiền tối đa là: (ghi số
tiền bảo lãnh) bằng chữ:..... sau khi nhận được:

(i) Yêu cầu đòi tiền đầu tiên bằng văn bản của Chủ đầu tư (do người đại diện có thẩm
quyền ký) ghi rõ nghĩa vụ mà Nhà thầu đã không thực hiện đúng theo quy định trong Hợp
đồng;

(ii) Bản gốc Thư bảo lãnh này;

Trách nhiệm của Chúng tôi theo Thư bảo lãnh này chỉ giới hạn tối đa trong số tiền
..... (ghi số tiền bảo lãnh) và trách nhiệm này sẽ giảm dần tương ứng với trách nhiệm
Nhà thầu đã thực hiện và bảo lãnh Ngân giá đã được thực hiện (nếu có).

Thư bảo lãnh này có hiệu lực từ ngày/...../..... đến hết ngày/...../.....
(..... ngày kể từ ngày phát hành) và/hoặc đến khi Nhà thầu bàn giao, đưa vào sử dụng,
tùy theo điều kiện nào đến sau.

Mọi yêu cầu thanh toán của Chủ đầu tư liên quan đến Thư bảo lãnh này phải được
gửi đến trụ sở của Ngân giá trong thời gian Thư bảo lãnh còn hiệu lực và trong thời gian
làm việc của Ngân giá.

Thư bảo lãnh này được điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam. Mọi tranh
chấp liên quan đến Thư bảo lãnh này sẽ được đưa ra Tòa án có thẩm quyền để giải quyết.

Thư bảo lãnh này được lập thành 01 bản duy nhất và không có giá trị chuyển
nhượng. Mọi yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh phải xuất trình được bản gốc Thư bảo
lãnh này.

ĐẠI DIỆN NGÂN GIÁ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



Mẫu số 7

THƯ BẢO LÃNH BẢO HÀNH

Số:.....

Kính
gửi:.....

Địa chỉ: (ghi địa chỉ đăng ký của Bên nhận bảo
lãnh)

Căn cứ các điều khoản, điều kiện của Hợp đồng số ngày
...../...../..... (sau đây gọi là "**Hợp đồng**") giữa (ghi tên Bên nhận bảo lãnh) (sau
đây gọi là "**Chủ đầu tư**") và (ghi tên đăng ký của Bên được bảo lãnh) có
trụ sở đăng ký tại (ghi địa chỉ đăng ký của Bên được bảo lãnh) (sau đây gọi là
"**Nhà thầu**").

Theo đề nghị của Nhà thầu, Chúng tôi - Ngân giá (ghi tên Ngân giá) có trụ
sở đăng ký tại: (sau đây gọi là "**Ngân giá**") đồng ý cấp cho Nhà thầu Thư
bảo lãnh này và cam kết thanh toán vô điều kiện không hủy ngang và không yêu cầu Nhà
thầu phải xem xét trước sẽ trả cho Chủ đầu tư một khoản tiền tối đa là: (ghi số
tiền bảo lãnh) bằng chữ: sau khi nhận được:

(i) Yêu cầu đòi tiền bằng văn bản của Chủ đầu tư (do người đại diện có thẩm quyền
ký) ghi rõ nghĩa vụ mà Nhà thầu đã không thực hiện đúng nghĩa vụ bảo hành theo điều
khoản (ghi số điều khoản bảo hành của Hợp đồng) của Hợp đồng;

(ii) Bản gốc Thư bảo lãnh này;

Trách nhiệm của Ngân giá theo Thư bảo lãnh này chỉ giới hạn tối đa trong số tiền
..... (ghi số tiền bảo lãnh) và trách nhiệm này sẽ giảm dần tương ứng với trách
nhiệm của Nhà thầu đã thực hiện và bảo lãnh Ngân giá đã được thực hiện (nếu có).

Thư bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày/...../..... đến hết ngày/...../.....

Mọi yêu cầu thanh toán của Chủ đầu tư liên quan đến Thư bảo lãnh này phải được
gửi đến trụ sở của Ngân giá trong thời gian Thư bảo lãnh còn hiệu lực và trong thời gian
làm việc của Ngân giá.

Thư bảo lãnh này được điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam. Mọi tranh
chấp liên quan đến Thư bảo lãnh này sẽ được đưa ra Tòa án có thẩm quyền để giải quyết.

Thư bảo lãnh này được lập thành 01 bản duy nhất và không có giá trị chuyển
nhượng. Mọi yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh phải xuất trình được bản gốc Thư bảo
lãnh này.

ĐẠI DIỆN NGÂN GIÁ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG

Công trình: Tòa nhà CT1

Dự án: Tổ hợp chung cư cao tầng Xuân Mai Thanh Hóa - Xuân Mai Tower

Hạng mục: Thi công lắp dựng kết cấu thân và xây bao trát ngoài

STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG
I LẮP DỰNG CẦU KIỆN			
1	Cầu cầu kiện đúc sẵn từ phương tiện vận chuyển và xếp tại công trường	cái	4.741,00
2	Lắp dựng cầu kiện bê tông đúc sẵn, lắp dầm, trọng lượng ≤ 1 tấn	cái	359,00
3	Lắp dựng cầu kiện bê tông đúc sẵn, lắp dầm, trọng lượng ≤ 3 tấn	cái	935,00
4	Lắp dựng cầu kiện bê tông đúc sẵn, lắp dầm, trọng lượng ≤ 5 tấn	cái	20,00
5	Lắp dựng cầu kiện bê tông đúc sẵn, lắp dầm, trọng lượng > 5 tấn	cái	4,00
6	Lắp dựng tấm sàn bê tông đúc sẵn trọng lượng ≤ 1 tấn	cái	431,00
7	Lắp dựng tấm sàn bê tông đúc sẵn trọng lượng > 1 tấn	cái	2.857,00
8	Lắp dựng tấm cầu thang bê tông đúc sẵn	cái	48,00
9	Lắp dựng cầu kiện bê tông đúc sẵn, lắp cột, trọng lượng $\leq 2,5$ tấn	cái	48,00
10	Lắp dựng cầu kiện bê tông đúc sẵn, lắp tấm parapet	m ²	223,43
11	Chít khe lắp dựng cột, dầm để rót vữa không co ngót	m	450,64
12	Vữa không co ngót liên kết cầu kiện	kg	3.001,08
II SÀN ĐỒ BÙ			
1	BTTP đổ bằng cần cẩu, bê tông xà dầm, giằng, sàn mái, chiều cao $> 50m$, vữa bê tông đá 1x2 mác 400	m ³	1.186,18
2	BTTP đổ bằng cần cẩu, bê tông xà dầm, giằng, sàn mái, chiều cao $> 50m$, vữa bê tông đá 1x2 mác 500	m ³	1.149,15
3	Sản xuất, lắp dựng tháo dỡ ván khuôn thép, khung xương thép + cột chống bằng giáo ống, ván khuôn sàn mái, chiều cao $> 50m$	100m ²	10,02
4	Ván khuôn cho bê tông đổ tại chỗ, ván khuôn kim loại, ván khuôn sàn mái	m	7.024,00
5	Sản xuất, lắp dựng cốt thép sàn mái, đường kính $\leq 10mm$, chiều cao $> 50m$	tấn	65,72
6	Sản xuất, lắp dựng cốt thép sàn mái, đường kính $> 10mm$, chiều cao $> 50m$	tấn	21,85
7	Lắp đặt lưới thép D6a150mm	tấn	41,73
8	Lắp đặt thép zíc zắc	tấn	13,62
III PHẦN VÁCH TOÀN KHỐI			
1	BTTP đổ bằng cần cẩu, bê tông tường dày $\leq 45cm$, chiều cao $> 50m$ đá 1x2, vữa bê tông mác 500 (tầng 1 đến 13)	m ³	518,623
2	BTTP đổ bằng cần cẩu, bê tông tường dày $\leq 45cm$, chiều cao $> 50m$ đá 1x2, vữa bê tông mác 400 (tầng 14 đến mái)	m ³	456,558
3	Sản xuất, lắp dựng tháo dỡ ván khuôn thép, khung xương thép + cột chống bằng giáo ống, ván khuôn vách thang máy, chiều cao $> 50m$	100m ²	75,275
4	Sản xuất, lắp dựng cốt thép tường, đường kính $\leq 10mm$, chiều cao $> 50m$	tấn	15,570
5	Sản xuất, lắp dựng cốt thép tường, đường kính $\leq 18mm$, chiều cao $> 50m$	tấn	143,750
6	Sản xuất, lắp dựng cốt thép tường, đường kính $> 18mm$, chiều cao $> 50m$	tấn	19,940
IV PHẦN CỘT TOÀN KHỐI			
1	BTTP đổ bằng cần cẩu, bê tông cột tiết diện $> 0,1m^2$, chiều cao $> 50m$ đá 1x2, vữa bê tông mác 500 (tầng 1 đến 13)	m ³	880,367
2	BTTP đổ bằng cần cẩu, bê tông cột tiết diện $> 0,1m^2$, chiều cao $> 50m$ đá 1x2, vữa bê tông mác 400 (tầng 14 đến mái)	m ³	727,565

STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG
3	BTTP đổ bằng cần cầu, bê tông cột tiết diện $\leq 0,1m^2$, chiều cao $>50m$ đá 1x2, vữa bê tông mác 500	m^3	1,303
4	Sản xuất, lắp dựng tháo dỡ ván khuôn thép cho bê tông đổ tại chỗ, cây chống gỗ, ván khuôn tường, cột vuông (chữ nhật), xà dầm, giằng, chiều cao $>50m$	$100m^2$	122,780
5	Sản xuất, lắp dựng cốt thép cột, trụ, đường kính $\leq 10mm$, chiều cao $>50m$	tấn	34,888
6	Sản xuất, lắp dựng cốt thép cột, trụ, đường kính $\leq 8mm$, chiều cao $>50m$	tấn	246,990
7	Sản xuất, lắp dựng cốt thép cột, trụ, đường kính $>18mm$, chiều cao $>50m$	tấn	90,884
V PHẦN DẦM TOÀN KHỐI			
1	BTTP đổ bằng máy bơm bê tông tự hành, bê tông dầm đá 1x2, vữa bê tông mác 500 (tầng 1 đến 13)	m^3	9,957
2	BTTP đổ bằng máy bơm bê tông tự hành, bê tông dầm đá 1x2, vữa bê tông mác 400 (tầng 14 đến mái)	m^3	50,210
3	Sản xuất, lắp dựng tháo dỡ ván khuôn thép, khung xương thép + cột chống bằng giáo ống, ván khuôn xà dầm, giằng, chiều cao $>50m$	$100m^2$	6,256
4	Sản xuất, lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, đường kính $\leq 10mm$, chiều cao $>50m$	tấn	2,914
5	Sản xuất, lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, đường kính $\leq 8mm$, chiều cao $>50m$	tấn	5,881
6	Sản xuất, lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, đường kính $>18mm$, chiều cao $>50m$	tấn	4,073
VI PHẦN THANG BỘ			
1	BTTP đổ bằng cần cầu, bê tông cầu thang bộ, chiều cao $>50m$ đá 1x2, vữa bê tông mác 350	m^3	58,829
2	Sản xuất, lắp dựng tháo dỡ ván khuôn thép, khung xương thép + cột chống bằng giáo ống, ván khuôn cầu thang, chiều cao $>50m$	$100m^2$	4,495
3	Sản xuất, lắp dựng cốt thép cầu thang, đường kính $\leq 10mm$, chiều cao $>50m$	tấn	6,419
4	Sản xuất, lắp dựng cốt thép cầu thang, đường kính $>10mm$, chiều cao $>50m$	tấn	2,881
VII CÔNG TÁC XÂY			
1	Xây tường thẳng bằng gạch chi hai lỗ rỗng $6,5 \times 10,5 \times 22$, chiều dày $\leq 33cm$, chiều cao $>50m$, vữa XM mác 50	m^3	870,886
2	Xây tường thẳng bằng gạch chi đặc $6,5 \times 10,5 \times 22$, chiều dày $\leq 33cm$, chiều cao $>50m$, vữa XM mác 50	m^3	217,721
3	Xây tường thẳng bằng gạch chi đặc $6,5 \times 10,5 \times 22$, chiều dày $\leq 11cm$, chiều cao $>50m$, vữa XM mác 50	m^3	1,097
4	Xây cột, trụ bằng gạch chi đặc $6,5 \times 10,5 \times 22$, chiều cao $>50m$, vữa XM mác 50	m^3	87,502
VIII CÔNG TÁC TRÁT			
1	Trát tường ngoài, chiều dày trát 2cm, vữa XM mác 75	m^2	4958,184
2	Trát tường ngoài, trát tường bê tông dày 2cm, vữa XM mác 75	m^2	570,176
3	Trát trụ cột, lam đứng, cầu thang, chiều dày trát 2cm, vữa XM mác 75, trát trụ, cột trang trí gạch ngoài nhà	m^2	991,564
4	Trát trụ cột, lam đứng, cầu thang, chiều dày trát 2cm, vữa XM mác 75, trát trụ, cột bê tông ngoài nhà	m^2	1742,181
5	Trát xà dầm, vữa XM mác 75	m^2	3176,135
6	Trát trần, vữa XM mác 75	m^2	346,636
7	Trát gờ chỉ, vữa XM mác 75, trát gờ móc nước	m	3230,420

STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG
8	Cắt gờ chỉ phân tầng, vữa XM mác 75	m	3773,595
9	Keo sealant hoàn thiện liên kết đáy dầm và tường (áp dụng cho tầng trên cùng)	m	179,695
IX	CÔNG TÁC LẮP DỰNG GIÀN GIÁO		
1	Lắp dựng dàn giáo, lưới bao ngoài, chiều cao >50m (Vật tư giáo và lưới bên A cấp, Bên B thi công lắp dựng)	100m ²	151,034

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG

Công trình: Tòa nhà CT2

Dự án: Tổ hợp chung cư cao tầng Xuân Mai Thanh Hóa - Xuân Mai Tower

Hạng mục: Thi công lắp dựng kết cấu thân và xây bao trát ngoài

STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG
I LẮP DỰNG CẤU KIỆN			
1	Cầu cấu kiện đúc sẵn từ phương tiện vận chuyển và xếp tại công trường	cái	2.977,00
2	Lắp dựng cấu kiện bê tông đúc sẵn, lắp dầm, trọng lượng ≤ 1 tấn	cái	289,00
3	Lắp dựng cấu kiện bê tông đúc sẵn, lắp dầm, trọng lượng ≤ 3 tấn	cái	611,00
4	Lắp dựng cấu kiện bê tông đúc sẵn, lắp dầm, trọng lượng ≤ 5 tấn	cái	10,00
5	Lắp dựng cấu kiện bê tông đúc sẵn, lắp dầm, trọng lượng > 5 tấn	cái	2,00
6	Lắp dựng tấm sàn bê tông đúc sẵn trọng lượng > 1 tấn	cái	2.039,00
7	Lắp dựng cấu kiện bê tông đúc sẵn, lắp tấm parapet	m ²	127,80
8	Chốt khe lắp dựng cột, dầm để rót vữa không co ngót	m	310,50
9	Vữa không co ngót liên kết cấu kiện	kg	1.706,73
II SÀN ĐÓ BÙ			
1	BTTP đổ bằng cân cầu, bê tông xà dầm, giằng, sàn mái, chiều cao > 50 m, vữa bê tông đá 1x2 mác 400	m ³	919,17
2	BTTP đổ bằng cân cầu, bê tông xà dầm, giằng, sàn mái, chiều cao > 50 m, vữa bê tông đá 1x2 mác 500	m ³	878,90
3	Sản xuất, lắp dựng tháo dỡ ván khuôn thép, khung xương thép + cột chống bằng giáo ống, ván khuôn sàn mái, chiều cao > 50 m	100m ²	18,471451
4	Ván khuôn cho bê tông đổ tại chỗ, ván khuôn kim loại, ván khuôn sàn mái	m	4.241,00
5	Sản xuất, lắp dựng cốt thép sàn mái, đường kính ≤ 10 mm, chiều cao > 50 m	tấn	66,72
6	Sản xuất, lắp dựng cốt thép sàn mái, đường kính > 10 mm, chiều cao > 50 m	tấn	50,59
7	Lắp đặt lưới thép D6a150mm	tấn	22,07
8	Lắp đặt thép zíc zắc	tấn	8,40
III PHẦN VÁCH TOÀN KHỐI			
1	BTTP đổ bằng cân cầu, bê tông tường dày ≤ 45 cm, chiều cao > 50 m đá 1x2, vữa bê tông mác 500 (tầng 1 đến 13)	m ³	630,743
2	BTTP đổ bằng cân cầu, bê tông tường dày ≤ 45 cm, chiều cao > 50 m đá 1x2, vữa bê tông mác 400 (tầng 14 đến mái)	m ³	548,097
3	Sản xuất, lắp dựng tháo dỡ ván khuôn thép, khung xương thép + cột chống bằng giáo ống, ván khuôn vách thang máy, chiều cao > 50 m	100m ²	85,535
4	Sản xuất, lắp dựng cốt thép tường, đường kính ≤ 10 mm, chiều cao > 50 m	tấn	18,316
5	Sản xuất, lắp dựng cốt thép tường, đường kính ≤ 18 mm, chiều cao > 50 m	tấn	113,415
6	Sản xuất, lắp dựng cốt thép tường, đường kính > 18 mm, chiều cao > 50 m	tấn	114,750
IV PHẦN CỘT TOÀN KHỐI			

STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG
1	BTTP đổ bằng cần cầu, bê tông cột tiết diện >0,1m ² , chiều cao >50m đá 1x2, vữa bê tông mác 500 (tầng 1 đến 13)	m ³	653,611
2	BTTP đổ bằng cần cầu, bê tông cột tiết diện >0,1m ² , chiều cao >50m đá 1x2, vữa bê tông mác 400 (tầng 14 đến mái)	m ³	531,095
3	BTTP đổ bằng cần cầu, bê tông cột tiết diện ≤0,1m ² , chiều cao >50m đá 1x2, vữa bê tông mác 400	m ³	0,990
4	Sản xuất, lắp dựng tháo dỡ ván khuôn thép cho bê tông đổ tại chỗ, cây chống gỗ, ván khuôn tường, cột vuông (chữ nhật), xà dầm, giằng, chiều cao >50m	100m ²	89,293
5	Sản xuất, lắp dựng cốt thép cột, trụ, đường kính ≤10mm, chiều cao >50m	tấn	28,038
6	Sản xuất, lắp dựng cốt thép cột, trụ, đường kính ≤18mm, chiều cao >50m	tấn	150,657
7	Sản xuất, lắp dựng cốt thép cột, trụ, đường kính >18mm, chiều cao >50m	tấn	61,501
V PHẦN DẦM TOÀN KHỐI			
1	BTTP đổ bằng máy bơm bê tông tự hành, bê tông dầm đá 1x2, vữa bê tông mác 500 (tầng 1 đến 13)	m ³	20,762
2	BTTP đổ bằng máy bơm bê tông tự hành, bê tông dầm đá 1x2, vữa bê tông mác 400 (tầng 14 đến mái)	m ³	41,187
3	Sản xuất, lắp dựng tháo dỡ ván khuôn thép, khung xương thép + cột chống bằng giáo ống, ván khuôn xà dầm, giằng, chiều cao >50m	100m ²	5,881
4	Sản xuất, lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, đường kính ≤10mm, chiều cao >50m	tấn	2,752
5	Sản xuất, lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, đường kính ≤18mm, chiều cao >50m	tấn	7,208
6	Sản xuất, lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, đường kính >18mm, chiều cao >50m	tấn	12,076
VI PHẦN THANG BỘ			
1	BTTP đổ bằng cần cầu, bê tông cầu thang bộ, chiều cao >50m đá 1x2, vữa bê tông mác 350	m ³	101,909
2	Sản xuất, lắp dựng tháo dỡ ván khuôn thép, khung xương thép + cột chống bằng giáo ống, ván khuôn cầu thang, chiều cao >50m	100m ²	7,225
3	Sản xuất, lắp dựng cốt thép cầu thang, đường kính ≤10mm, chiều cao >50m	tấn	7,131
4	Sản xuất, lắp dựng cốt thép cầu thang, đường kính >10mm, chiều cao >50m	tấn	16,892
VII CÔNG TÁC XÂY BAO NGOÀI			
1	Xây tường thẳng bằng gạch chỉ hai lỗ rỗng 6,5x10,5x22, chiều dày ≤33cm, chiều cao >50m, vữa XM mác 50	m ³	697,574
2	Xây tường thẳng bằng gạch chỉ đặc 6,5x10,5x22, chiều dày ≤33cm, chiều cao >50m, vữa XM mác 50	m ³	174,394
3	Xây tường thẳng bằng gạch chỉ đặc 6,5x10,5x22, chiều dày ≤11cm, chiều cao >50m, vữa XM mác 50	m ³	0,114
4	Xây cột, trụ bằng gạch chỉ đặc 6,5x10,5x22, chiều cao >50m, vữa XM mác 50	m ³	53,115
VIII CÔNG TÁC TRÁT NGOÀI			
1	Trát tường ngoài, chiều dày trát 2cm, vữa XM mác 75	m ²	3964,529
2	Trát tường ngoài, trát tường bê tông dày 2cm, vữa XM mác 75	m ²	1036,7105

STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG
3	Trát trụ cột, lam đứng, cầu thang, chiều dày trát 2cm, vữa XM mác 75, trát trụ, cột trang trí gạch ngoài nhà	m ²	519,7396
4	Trát trụ cột, lam đứng, cầu thang, chiều dày trát 2cm, vữa XM mác 75, trát trụ, cột bê tông ngoài nhà	m ²	1435,586
5	Trát xà dầm, vữa XM mác 75	m ²	2685,403
6	Trát trần, vữa XM mác 75	m ²	343,306
7	Trát gờ chỉ, vữa XM mác 75, trát gờ móc nước	m	2724,680
8	Cắt gờ chỉ phân tầng, vữa XM mác 75	m	2753,100
9	Keo sealant hoàn thiện liên kết đáy dầm và tường (áp dụng cho tầng trên cùng)	m	131,100
IX	CÔNG TÁC LẮP DỰNG GIÀN GIÁO		
1	Lắp dựng dàn giáo, lưới bao ngoài, chiều cao >50m (Vật tư giàn giáo và lưới bên A cấp, Bên B thi công lắp dựng)	100m ²	110,190